TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07/ 6/ 2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lường Văn Hịa
  2. Bà Bạc Thị Kiên

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lường Văn Đoản - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ
- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 07/6/2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 10/5/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 06 ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị L - Sinh năm 1993. (Có mặt).
Trú tại: Bản C, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên
2. Bị đơn: Anh Lò Văn N, sinh năm 1991
Trú tại: Bản Xôm 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/3/2018 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Lường Thị L (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn N tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 2010 sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 08/01/2013, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc được hơn 4 năm từ ngày cưới đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không tu chí làm ăn theo bạn bè và bị nghiện ma túy, Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh N từ bỏ ma túy nhưng anh N không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc phát triển của con tôi. Tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và ly thân từ năm 2015 cho đến nay đã được 3 năm không quay lại. Từ khi ly thân anh N đã

bỏ mặc không quan tâm và cũng không một lần quay lại thăm nom hay đón tôi về nhà. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

2.Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 01 con chung là: Lò Đức D, sinh ngày 29/9/2012, sau khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu còn nhỏ và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/3/2018, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị L cho anh N biết. Giao thông báo thụ lý vụ án cho anh N nhận. Nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh N không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành thông báo kiểm tra chứng cứ và hòa giải, niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án tại trụ sở UBND xã Nà. Nhưng anh N vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 10/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã ra quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh N nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa. Và tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn N đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại Đội bản X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; 179/ BLTTDS, việc anh N không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh N đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS(2015). HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn N tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh N có sử dụng chất ma túy không quan tâm đến vợ con dẫn đến mất lòng tin với nhau, chị L đã về

nhà bố mẹ đẻ sống từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn yên thương, quý trọng, đi lại chăm sóc giúp đỡ nhau nữa, bản thân anh N cũng không có ý định hàn gắn tình cảm, anh bỏ mặc chị L sống bên ngoại. Tại đơn đề nghị của chị L có xác nhận của UBND xã Ả và xã N về tình trạng hôn nhân cùng biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập cho thấy anh N và chị L về chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh N không tu chí làm ăn, lại mắc nghiện ma túy. Chi L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ năm 2015 cho đến nay hai người đã ly thân được 3 năm. Bản thân chị L xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị L và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân 3 năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị L cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lả xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị L và anh Lò Văn N

[3] Về con chung: Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là: Lò Đức D sinh ngày 29/9/2012; Xét thấy hiện tại chị L mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu hiện còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã N, anh N bị nghiện chất ma túy có tên trong danh sách theo dõi của xã, anh N thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị L. Giao con cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh N có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị L.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị L là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị L được ly hôn với anh Lò Văn N.

2. Về con chung: Chị Lường Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng con chung Lò Đức D sinh ngày 29/9/2012 cho đến khi cháu thành niên. Anh N không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản của chị Lường Thị L.

4. Về án phí:

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lường Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên